

Số: 953 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 19 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 03 ha) tại mỏ 28D, phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Tân Lập

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 47/STNMT-CCBVMT ngày 06/01/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 3,0 ha) tại mỏ 28D, phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn của Công ty TNHH Tân Lập;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (tại mỏ 28D, phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 33/CV-TL ngày 22/02/2025 của Công ty TNHH Tân Lập;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 71/TTr-STNMT ngày 17/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 03 ha) tại mỏ 28D, phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Tân Lập (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại mỏ 28D thuộc phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo

vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ NNMT (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở NNMT;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND P. Hoài Thanh Tây;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 3,0 HA) TẠI MỎ ĐẤT 28D, PHƯỜNG HOÀI THANH TÂY, THỊ XÃ HOÀI NHƠN CỦA CÔNG TY TNHH TÂN LẬP

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Bình Định)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 3,0 ha) tại mỏ đất 28D, phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn.
- Địa điểm thực hiện: tại mỏ 28D thuộc phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tân Lập.
- Địa chỉ liên hệ: Số 245 Nguyễn Tất Thành, Thị Trấn Tăng Bạt Hổ, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.
- Điện thoại: 0988.585477.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 3,0 ha.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).
- Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác theo Quyết định số 3314/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của UBND tỉnh Bình Định là 421.918 m³ đất địa chất; trong đó, trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác là 370.139 m³ đất địa chất. Thời hạn khai thác 02 năm với công suất khai thác hàng năm cụ thể như sau:
 - Năm thứ 1: 150.121 m³ đất địa chất/năm.
 - Năm thứ 2: 220.018 m³ đất địa chất/năm.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

- Trình tự khai thác: Khu vực phê duyệt trữ lượng có diện tích 3,0 ha được chia làm 02 khoảnh khai thác. Năm thứ nhất thực hiện khai thác với diện tích 13.435 m²; năm thứ 2 thực hiện khai thác với diện tích 16.565 m². Thực hiện khai thác, san gạt theo hình thức cuốn chiếu lần lượt từng khoảnh và trồng cây phục hồi môi trường theo tiến độ 1 năm/lần.
- Phương pháp khai thác: Vị trí mở vỉa đầu tiên tại phần diện tích có cao độ cos + 65m tại biên giới phía Tây Bắc khai trường (gần điểm 12 và điểm 15), thực

hiện khai thác theo hướng từ trên xuống dưới, địa hình kết thúc khai thác thoải từ Tây sang Đông, cao độ kết thúc khai thác thấp nhất +11 m. Sử dụng máy đào có dung tích gầu 1,25 m³ để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình. Xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường:
 - + 03 hố giảm tốc (phía Đông, phía Nam và phía Tây mỏ).
 - + Hệ thống mương thu gom nước mưa: xung quanh mỏ có tổng chiều dài 1.220 m; mương thu gom nước dọc hai bên tuyến đường vận chuyển nội bộ mỏ có tổng chiều dài 629,42 m.
 - Tuyến đường giao thông trong mỏ:
 - + Tuyến đường tạm trong mỏ có tổng chiều dài khoảng 314,71 m, kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường.
 - Khu vực phụ trợ phía Đông Nam nằm trong ranh giới mỏ, diện tích khoảng 1.500 m²: bố trí khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác; nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.
- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 2,0 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...
- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 4.850 m³/ngày, tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước

mưa chảy tràn 4,28 ha.

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 7,5 – 15 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 02 kg/năm; pin, ắc quy thải (Mã chất thải: 16 01 12) khoảng 03 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, nguy cơ sa bồi xuống khu vực hạ lưu, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ có tổng chiều dài khoảng 1.220 m, kích thước: Rộng 2,0m x Sâu 1,0m; mương thu gom nước mưa chảy tràn hai bên tuyến đường nội bộ mỏ có tổng chiều dài 629,42 m, kích thước: Rộng 0,5m x Sâu 0,5m. Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc số 1 phía Đông mỏ có tọa độ: 1.604.390; 582.717, thể tích khoảng 450 m³ (diện tích 150 m², sâu 3m); hồ giảm tốc số 2 phía Nam mỏ có tọa độ: 1.604.223; 582.489, thể tích khoảng 45 m³ (diện tích 15 m², sâu 3m); hồ giảm tốc số 3 phía Tây mỏ có tọa độ: 1.604.287; 582.367, thể tích khoảng 105 m³ (diện tích 45 m², sâu 3m). Kết cấu hồ giảm tốc được chia làm 02 ngăn, gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Nam, Bắc mỏ và nước mưa thu gom 02 bên tuyến đường mở mỏ → mương thu nước phía Đông Nam và phía Bắc mỏ → hồ giảm tốc số 01 phía Đông mỏ (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → suối

cạn phía Đông dự án.

+ Nước mưa chảy tràn phía Nam, Tây Nam mở → mương thu nước phía Nam mở → hồ giảm tốc số 02 phía Nam mở (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thu nước phía Đông Nam mở → cống ngầm qua đường → hồ giảm tốc số 01 phía Đông (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → suối cạn phía Đông dự án.

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây, Tây Bắc, Tây Nam mở → mương thu nước phía Tây, Tây Bắc mở → hồ giảm tốc số 03 phía Tây mở (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → suối cạn phía Tây dự án.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, thực hiện giải pháp gạt đất bánh xe trước khi ra ngoài và che chắn, không để rơi vãi đất trong quá trình vận chuyển.

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường san gạt theo trình tự cuốn chiếu hàng năm và trồng cây phục hồi môi trường 01 năm/lần vào thời điểm kết thúc khai thác năm 1 với diện tích 13.435 m² và kết thúc khai thác với diện tích là

16.565 m². Các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực mỏ				
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	6	Đảm bảo an toàn trong quá trình <u>khai thác</u>	Trước khi tiến hành khai thác
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	9.000	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Tây và Tây Bắc thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây	Thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, khai thác đến đâu tiến hành san gạt đến đó. Hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc hàng năm.
3	San gạt tuyến đường vận chuyển	m ³	571,2	Tạo bề mặt bằng phẳng, trả lại hiện trạng	Sau khi kết thúc khai thác
4	San lấp nương thu gom nước và hồ giảm tốc	m ³	3.523,7	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
5	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	40		
6	Tháo dỡ cống tròn qua đường	Tấn	7,2		
7	Vệ sinh tuyến đường	công	180		Trong thời gian khai thác
8	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	ha	3,0	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
9	Đo vẽ bản đồ địa hình	ha	3,0	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường: **691.467.000 đồng** (sáu trăm chín mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 02 lần, thực hiện thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 172.866.750 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2 số tiền: 518.600.250 đồng, thời điểm ký quỹ: thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2025.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đầu bốc lớp đất tầng phủ đến đó.

- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực. Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sa bồi, sạt lở, ảnh hưởng đến khu vực phía hạ lưu, chủ dự án phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không./.